

DẤU ẤN CỔ SƠ TRONG CÁC HÌNH THỨC CÚNG BÀI THEN, PỤT CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG

NGUYỄN THỊ YÊN^(*)

Từ lâu trong đời sống xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày- Thái như Tày, Nùng, Thái và Choang (Trung Quốc) vốn đã tồn tại các hình thức cúng bái bản địa mang yếu tố vụ thuật liên quan đến khái niệm Siên (Tiên), phổ biến dưới hình thức bói trứng, bói cám, bói hương, v.v... Những người thực hiện nghi lễ phần lớn là nữ giới, vốn là những người có căn đồng, thuật ngữ quốc tế thường dùng là Shaman. Khi Tam giáo chưa có điều kiện xâm nhập vào đời sống xã hội của người Tày, Nùng thì công việc, đối tượng thờ cúng và cách thực hành nghi lễ của họ có lẽ cũng mang đậm dấu ấn bản địa như ở các dân tộc cùng nằm trong ngữ hệ Tày- Thái, chẳng hạn như là ở người Thái Tây Bắc. Để tìm hiểu vấn đề này, có thể lấy Then của người Thái Trắng, một hình thức cúng bái gần gũi với Then, Pút của người Tày, Nùng để làm cơ sở xem xét.

So với Then, Pút của người Tày, Nùng thì Then của người Thái Trắng còn mang nhiều dấu ấn bản địa hơn và chưa bị pha tạp bởi các yếu tố du nhập. Những biểu hiện cụ thể như sau:

1) Người làm nghề là nữ giới, được lựa chọn kế nghiệp gia đình theo mẫu hệ, cũng có khi là con dâu, cháu dâu nối nghiệp cho nhà chồng. Biểu hiện của họ trước khi vào nghề: đau ốm, mơ màng, tự dưng thích làm Then.

2) Người làm nghề tự biết làm nghề mà không cần nhận thấy, tự làm lễ cúng vào nghề cho mình.

3) Nơi thờ cúng của Then được làm riêng gọi là *hươn Then* (nhà Then) là một ngôi nhà sàn hai gian làm tách hẳn khỏi nơi ở của gia đình. Trong nhà có bàn thờ Then (*hỉnh Then*) chia làm các ngăn, trong đặt các bát hương thờ tự chính là *hươn Mô*, *hươn Sên* và các âm binh, quân phục vụ Then. Phía trên *hươn Mô* có treo hình chim én, chim nhạn, ve sầu, v.v... được gấp bằng giấy hoặc đan bằng lạt giang. Gian bên phải bàn thờ là nơi đặt lễ vật của các con nuôi là những người đã được Then chữa bệnh. Phía góc trái của gian nhà là nơi để dụng cụ hành nghề của bà Then. Xét cả về hình thức lẫn nội dung thì điện thờ này còn mang nhiều dấu ấn cổ sơ hơn so với với các hình thức cúng bái của người Tày, Nùng.

4) Đối tượng thờ cúng chính của bà Then là mẹ Bẩu, người tạo ra con người – có thể hiểu đó là vị thủy tổ sáng tạo ra con người của người Thái.

5) Công việc chính của các bà Then Thái Trắng là đi tìm hồn vía chữa bệnh cho người ốm hoặc cầu hoa - cầu tự (cầu mẹ Bẩu cho con). Các công đoạn chủ yếu trong nghi lễ của bà Then: lên mẹ Bẩu gọi

^{*}. TS., Viện Nghiên cứu Văn hoá.

hồn tìm tên, đặt tên cho người ốm; đỡ dành, vỗ về đưa hồn về nhà; diệt trừ tà ma cho người ốm, v.v... Phương thức hành lễ của bà Then là ngồi tại đàn cúng xuất hồn mình đi tìm vía lạc cho người ốm. Cuộc hành trình đi vào cõi âm của bà Then ở Phong Thổ, Lai Châu phải qua các chặng đường như sau:

Bắt đầu từ gian thờ tổ tiên của gia chủ (*Pu đằm - Da đằm*) đi đến chỗ thần bếp (*Pu mỗ khang, da mỗ nùng* - ông cái ninh, bà cái chảo), ra khu mô mả tổ tiên (*Pá heo*). Tiếp đó đi dọc theo sông, xuôi ngược vào Pu Kho Luông (Núi Cỏ Rồng) nơi đầu dãy núi Hoàng Liên Sơn rồi từ đó đi lên Mường Trời. Đường lên Mường Trời quanh co phải qua 33 tầng, mỗi tầng trời là một địa danh đều có lai lịch liên quan. Chẳng hạn: Địa danh “Chặng Then xí, li Then sam” (Chặng Then Bốn, chốn Then Ba) là nơi có loài chim ki dốt (?) hót như khóc than, vốn đây là nơi trú ngụ của linh hồn những chàng trai, cô gái xấu số vì duyên phận không thành mà phải ở lại đây, hồn hóa thành loài chim luôn luôn than thân trách phận. Hoặc chốn “Sam xíp sao mường phi năng thả, Xí xíp mải mường há năng cóong” (Ba mươi cô gái mường ma đang chờ, Bốn mươi bà góa chồng đang mong) là nơi ở của hồn ma những bà góa chồng, v.v...⁽¹⁾

6) Phép hành nghề của Then mang đậm dấu ấn bản địa: trong mâm cúng của Then phải có gạo, trứng gà, vòng bạc (hoặc đồng bạc), răng nanh các con thú rừng như hổ, lợn rừng. Ngoài ra, còn có túi quần áo để thu vía cho người ốm. Trong khi làm lễ, Then sử dụng các phép thuật gọi là *cắm măn* để mê hoặc, dọa dẫm ma quỷ giành lại hồn vía người ốm.

Mặc dù Then, Pút của người Tày, Nùng đã chịu nhiều ảnh hưởng của các

yếu tố du nhập như Tam giáo nhưng về cơ bản trong tín ngưỡng Then, Pút vẫn còn lưu giữ được những dấu ấn cổ sơ và tục thờ mẹ sinh sản giống như ở Then của người Thái Trắng, thể hiện:

1) Người làm Then, Pút của người Tày, Nùng về cơ bản cũng có những biểu hiện bất thường khi vào nghề như ở Then Thái Trắng. Dù là nam giới hay nữ giới thì vẫn giữ phương thức nối nghề theo gia đình.

2) Trong điện thờ của các Then, Pút, Siên mặc dù có thể có thêm các yếu tố ngoại lai như thờ tướng, tổ sư, pháp sư; mặc dù có hoặc không đặt bát hương riêng, v.v... nhưng về cơ bản vẫn giữ tục thờ bản mệnh của chủ nhân, thể hiện rõ nhất là ở những dòng Then, Pút nữ. Về vấn đề này, chúng tôi đã có dịp đề cập đến thông qua so sánh các mô hình điện thờ khác nhau của Then khi tìm hiểu về các yếu tố giao lưu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian nam Trung Quốc và bắc Việt Nam vào trong Then Tày⁽²⁾.

3) Công việc chủ yếu của các Then, Pút cũng là giải hạn, chữa bệnh bằng hình thức tìm hồn vía lạc và thực hành các nghi lễ cho trẻ nhỏ liên quan đến việc thờ cúng mẹ Hoa.

4) Cũng giống như các bà Then người Thái Trắng, đối tượng thờ phụng chính của các Then, Pút là mẹ Hoa (tức mẹ Bióc, mẹ Va). Khi làm lễ, các Then, Pút cũng xuất hồn mình lên các chặng mường trời để kêu cầu cho các gia chủ. Dù là Then nam hay Then nữ, dù là Mo hay là Pút, là Siên, v.v... thì điểm dừng chân cuối cùng của các thầy vẫn là nơi ở của

1. Phần này tham khảo tư liệu trong: Đồng Trọng Im. *Dân ca nghi lễ người Thái Trắng*. Nxb Văn hóa Dân tộc, 2001.

2. Nguyễn Thị Yên. *Then Tày*. Nxb Khoa học Xã hội, tr. 174.

mẹ Hoa, mặc dù có thể ở một số ngành cúng thì mẹ Hoa đã được tôn vinh là Hoa Vương Thánh Mẫu hoặc Phật Bà Quan Âm. Trong hệ thống Then, Pút thì Siên (những người tự bột phát biết hành nghề) là hình thức còn mang nhiều dấu ấn bản địa hơn cả, thể hiện rõ không chỉ ở điện thờ mà còn ở cách thức hành lễ. Hiện nay, trong điện thờ của các bà Siên Tày ở Hạ Lang, Cao Bằng ngoài ban thờ tiên ra còn có bát hương riêng thờ mẹ Hoa.

5) Lễ cúng của Then, Pút vẫn giữ được dấu ấn bản địa: phần lớn các lễ cúng cho gia chủ đều có bát hương “khẩu khoản” (gạo vía) gồm quả trứng gà đặt trong bát hương có cắm hình nhân để đi tìm hồn vía và túi “sữa khoản” (áo vía) dùng để thu vía cho các gia đình. Ở các bà Siên thì còn có thêm quả trứng “nàng Sáy” (nàng Trúng) để các bà bói và hỏi ý kiến của nàng Sáy. Trong khi tìm vía cho người ốm, các bà Siên vừa xóc nhạc, vừa hát, vừa lăm lăm con dao trong tay với động tác dọa dẫm ma quỷ, v.v...

Thờ cúng thủy tổ nhân loại - hay là tục thờ thần sáng tạo ra con người là một trong những tín ngưỡng cổ xưa của người Tày- Thái, trong đó có người Tày, Nùng. Ở cả người Tày, Nùng lẫn người Choang đều có tục thờ bà mẹ sinh sản gọi là mẹ Hoa. Người Choang ở phía bắc Quảng Tây tôn mẹ Hoa là thủy tổ của người Choang. Truyền thuyết của người Choang và kinh sách của thầy cúng kể rằng mẹ Hoa là người phụ nữ đầu tiên bước ra từ một bông hoa khi vũ trụ mới hình thành gọi là mẹ Lục Giáp. Bà là người rất thông minh đã tạo ra núi non, sông nước, con người và muôn thú. Bà còn ngồi dạng chân ra để tạo thành hang cho con người trú ngụ. Truyền thuyết nói rằng bà quản việc sinh đẻ ở nhân gian, có

quyền phân phát con cái cho người trần gian. Động Nham Sơn ở huyện Đông Lan được coi là sinh thực khí của bà, người Choang từ đó mà sinh ra. Vì vậy, hằng năm vào hai dịp 15/1 âm lịch và 15/7 âm lịch, dân chúng quanh vùng mang lễ vật đến cúng động gọi là “Tết động sinh dục”, kèm theo hoạt động cúng tế có tục nghe người già kể chuyện mẹ tổ và tục hát giao duyên nam nữ. Hiện nay, ở các huyện như Thượng Lâm và Điền Dương của một số địa phương Quảng Tây còn có các miếu hoặc hang động thờ mẹ Hoa. Bức tượng mẹ Hoa đặt trong hang thờ ở Điền Dương được lấy ý tưởng từ trong truyền thuyết dân gian: Bức tượng cao khoảng 4m tạc mẹ Hoa với tư thế ngồi khoả thân ngực và mông nở, quán vòng quanh mông là những bông hoa, bệ ngồi của mẹ Hoa cũng là một tòa hoa, v.v... Vào dịp lễ hội tháng 3, người ta thường đến đặt lễ và chen nhau xoa tay vào những bông hoa quanh bụng và hông người tượng để cầu phúc, cầu con.

Cùng với mẹ Lục Giáp, người Choang còn có truyền thuyết về Poloto là một người đàn ông có trí tuệ đã giúp con người sinh sống và phát triển trên mặt đất, ông nghĩ cách tạo ra Mặt Trời, Mặt Trăng, tìm lửa, tìm giống ngũ cốc, tạo trâu bò súc vật, sắp xếp trật tự cho muôn loài, v.v... Ông được tôn là cha thủy tổ của người Choang đồng thời là thủy tổ nghề cúng của người Choang, bộ sách cúng của người Choang có tên là kinh Poloto. Cũng có nơi truyền thuyết đồng hoá mẹ Lục Giáp là vợ của Poloto, hai người được tôn thành cha mẹ thủy tổ của người Choang. Việc thờ Poloto ở huyện Điền Dương đã trở thành một lễ hội về nguồn lớn của các cư dân người Choang của 12 huyện thuộc đặc khu Bách Sắc và

các vùng phụ cận của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Người Choang ở khu vực sông Hồng Hà có tục tế thủy tổ là một lễ hội lớn trong vùng, có làm cờ phướn vẽ cầu vồng biểu tượng cho sinh thực khí của Poloto. Truyền thuyết vùng này nói rằng Poloto đã dùng sinh thực khí làm cầu nối hai bờ sông Hồng Hà để nam nữ hai bên đi lại giao duyên phát triển giống nòi. Vì vậy, hằng năm trong lễ tế tổ còn có tục hát ca ngợi công đức cha mẹ, tục nam nữ hát giao duyên. Chúng tôi cho rằng tục thờ cha thủy tổ Poloto gắn với kinh sách thầy cúng có lẽ là yếu tố đến sau tục thờ mẹ thủy tổ.

Người Tày, Nùng không có truyền thuyết và các tục thờ cúng cụ thể liên quan đến bố Poloto và mẹ Lục Giáp. Tuy nhiên, truyền thuyết của người Tày cũng có hai nhân vật là *Pú Luông* (Ông Lớn) và *Sao Cải* (Bà To) là hai nhân vật thủy tổ đã sáng tạo ra con người và nghề nông. Ngoài ra, ở các khu vực cư trú của người Tày, Nùng vẫn còn tồn tại các lễ hội có gắn với tín ngưỡng phồn thực và các hội chợ hát giao duyên nam nữ ít nhiều có liên quan đến các lễ hội thờ cúng cha mẹ thủy tổ của người Choang. Còn việc thờ mẹ Lục Giáp với tư cách là thủy tổ của người Choang nay đã biến thái thành tục thờ mẹ Hoa tức mẹ sinh sản hiện khá phổ biến trong các gia đình người Tày, Nùng, Choang dưới nhiều hình thức khác nhau. Chẳng hạn, người Tày ở khu vực huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn gọi mẹ Hoa là mẹ Tuấn với hàm nghĩa chỉ bà mẹ ở trong hang động.

Qua đây, có thể thấy, thờ mẹ sinh sản là tín ngưỡng cổ xưa của các cư dân Tày-Thái, tương tự như ở người Kinh có tục thờ bà Mụ. Tuy nhiên, so với người Kinh thì việc thờ cúng mẹ sinh sản ở các cư

dân Tày- Thái sâu đậm và mang nhiều triết lý sâu xa hơn. Người Tày- Thái nói chung có quan niệm cho rằng mẹ Hoa hay mẹ Bầu (mẹ Then) mới là người mẹ đích thực quyết định sự có mặt và số phận của mỗi con người và muôn trời mới là nơi quê hương gốc tích của mỗi con người. Vì vậy, mẹ Hoa hay mẹ Bầu mới chính thức là bà mẹ sinh còn bà mẹ trần gian chỉ là người thừa lệnh mẹ Hoa để sinh ra đứa trẻ. Từ ý nghĩa này mà ở cả người Thái lẫn người Tày, Nùng đều rất coi trọng tên gọi của mỗi con người. Người Thái thường có 2 tên, một tên do cha mẹ đặt và một tên do mẹ Bầu đặt trước khi giáng xuống trần gian. Khi một người bị ốm đau, có nghĩa là được mẹ Bầu gọi, họ muốn trở về với mẹ Bầu ở trên trời. Bà Then sẽ làm lễ lên mẹ Bầu tìm hồn vía người ốm, người ốm sẽ nhập hồn vào bà Then để nói ra tên tuổi của mình do mẹ Bầu đặt cùng lí do đau ốm. Bà Then sẽ xin mẹ Bầu đặt lại tên cho người ốm và buộc chỉ cổ tay nhận người ốm làm con nuôi. Vì bà Then có khả năng chữa bệnh và liên hệ được với mẹ Bầu mà người Thái coi bà ngang hàng với mẹ Bầu: Nếu mẹ Bầu là mẹ sinh thì bà Then có thể là mẹ nuôi của con người ta. Mẹ Bầu, với tư cách là mẹ Sinh, có vai trò quan trọng tác động đến mỗi con người trong suốt cuộc đời họ...

Tương tự, ở người Tày, Nùng thì tên gọi của mỗi người thường do các Then, Pụt thừa lệnh mẹ Hoa đặt cho họ trong lễ đầy tháng. Khi còn nhỏ tuổi, người Tày, Nùng thờ cúng mẹ Hoa với ý nghĩa là thờ vị thần nuôi dưỡng và chăm sóc cho trẻ nhỏ. Đến tuổi trưởng thành hoặc về già thì người ta thờ cúng mẹ Hoa với tư cách là mẹ Sinh - có thể hiểu là bà mẹ bản mệnh của mỗi người. Trong các lễ giải hạn, nối số, mừng thọ người ta đều có tục

tạ mẹ Sinh, cầu mong mẹ phù hộ cho phúc lộc và sự trường thọ. Những người được các thầy cúng chữa khỏi bệnh nói chung đều trở thành con nuôi của họ.

Như vậy, nếu ở người Kinh, việc thờ cúng bà Mụ chỉ là những nghi lễ liên quan đến việc cầu cúng cho trẻ nhỏ chủ yếu trước 3 tuổi thì ở các cư dân Tày, Thái, thờ cúng bà mẹ sinh sản còn đồng nghĩa với thờ cúng bà mẹ bản mệnh thuộc dạng nghi lễ suốt đời. Hơn thế, ở người Tày nhiều nơi thì bát hương thờ mẹ Hoa còn được đặt ngang hàng cùng với tổ tiên của gia đình.

Có thể nói, bà mẹ sinh sản chính là đối tượng thờ cúng quan trọng và chủ yếu của các thầy cúng bản địa Tày, Thái mà nguồn gốc sâu xa có thể bắt nguồn từ tục thờ mẹ thủy tổ nhân loại. Người Thái Trắng có lễ hội Then Kin Pang là lễ hội cúng tổ nghề mà thực chất là lễ hội bà Then và các con nuôi (*lục liệng*) của bà mang lễ vật lên tạ mẹ Bẩu. Ở người Tày, Nùng, mặc dù mẹ Hoa không còn là đối tượng thờ phụng duy nhất nhưng trong hầu hết các đại lễ của Then, Pút nói chung người ta đều phải vào dâng lễ tạ của mẹ Hoa. Có thể tìm thấy việc thờ cúng mẹ Hoa với tư cách là bà mẹ độc tôn của người Tày, Nùng thông qua một số lễ hội dân gian như lễ hội nàng Hai của người Tày. Đây là một dạng lễ hội Shaman do cộng đồng làng bản đứng ra tổ chức với mục đích cầu mùa, cầu an. Trong lễ này, mẹ Hoa được đồng nhất với mẹ Trăng với ý nghĩa là người mẹ lớn ở mừng trời luôn chăm lo đến những đứa con trần gian. Về hình thức tổ chức, lễ hội này có nhiều điểm tương đồng với lễ hội Kin Pang Then của người Thái Trắng⁽³⁾.

Với ý nghĩa nêu trên, chúng tôi cho rằng, cũng giống như ở người Thái Trắng,

thờ mẫu mà cụ thể là thờ cúng mẹ Hoa chính là đối tượng thờ cúng cổ xưa của các ngành cúng bản địa Tày, Nùng thuộc nữ giới, cụ thể là của các Then, Pút vốn là các hình thức có gắn với nghi thức Shaman.

Cũng xin nói thêm, sở dĩ ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến vai trò của nữ giới trong các hình thức cúng bái bản địa vì chúng tôi cho rằng lúc khởi đầu, việc cúng bái ở người Tày, Nùng là do nữ giới đảm nhiệm. Sự tham gia của nam giới vào việc cúng bái chủ yếu là về sau này, khi mà các ngành cúng bản địa đã có sự thâm nhập của các yếu tố du nhập. Chẳng hạn, phần lớn nam giới hành nghề Then, Pút ngày nay đều thuộc các dòng cúng có sử dụng sách (sách viết bằng chữ Hán) được hướng dẫn theo bài bản có sẵn, một số ít nam giới có theo dòng nữ giới thì thường rơi vào những người có căn số, nhẹ vía giống nữ giới. Chẳng hạn, ở người Tày, Nùng một số nơi cũng có xuất hiện hiện tượng Siên là nam giới nhưng không phải là phổ biến.

Liên quan đến vấn đề nguồn gốc nghề cúng Mo của nam giới, người Nùng ở Lạng Sơn có lưu truyền câu chuyện về bà Mo (*Mo mè*) như sau:

Xưa kia khi mới có loài người, tuổi thọ của con người chưa phải đã được như bây giờ, nhất là trẻ sơ sinh thì thường hay chết non, chết yếu. Có một bà mẹ nọ đẻ chín lần nhưng lần nào con bà cũng bỏ bà ra đi vĩnh viễn. Mang nặng đẻ đau chín lần mà cuối cùng vẫn không nuôi nấng được, bà mẹ nọ vô cùng buồn tủi. Nghĩ rằng ông trời (pò phạ) chưa thương mình nên ngày đêm bà không ngừng sụp lạy cả bốn phương trời và cầu khẩn rằng:

3. Xem thêm: Nguyễn Thị Yên. *Lễ hội nàng Hai của người Tày Cao Bằng*. Nxb Văn hóa Thông tin, 2003.

Trời hãy thương tình

Cho ăn, cho ở

Cùng đất, cùng trời

Cho thiên hạ được bình an...

Từ thượng giới, ông trời nhìn thấy bà mẹ nọ ròng ròng nước mắt thì vô cùng cảm kích, ông liền ra lệnh cho nàng tiên xuống trần gian dạy bà làm Mo và ban cho bà bùa phép chống lại ma quỷ. Từ đó, bà sinh đứa con nào cũng khôi ngô, khỏe mạnh. Không những vậy bà còn dùng bùa phép để cứu giúp mọi người: Người già được bà xin ông trời cho tăng thêm tuổi thọ; trẻ con thì bà giúp cho hay ăn chóng lớn; người ốm được bà chữa khỏi bệnh,...

Cứ như vậy, mọi người ở khắp nơi rủ nhau đến nhờ bà giúp đỡ. Sẵn lòng thương người, bà vui vẻ đi ngay khi có người nhờ. Nhưng là phụ nữ nên bà còn phải lo chăm sóc con cái. Thấy vợ quá vất vả, người chồng bèn bảo vợ rằng: “Bà hãy truyền nghề cho tôi để tôi đi thay cho, bà hãy ở nhà mà chăm sóc con thơ”. Thấy chồng nói phải, bà bèn truyền bùa phép cho chồng. Từ đó mỗi khi có người nhờ làm lễ thì ông chồng lại đi thay bà. Sau này, người chồng truyền lại nghề cho những đứa con trai của mình. Những người con này đã trở thành tổ tiên của những dòng Mo hiện nay⁽⁴⁾.

Dù chỉ là truyền thuyết nhưng câu chuyện đã khái quát được một số vấn đề cơ bản liên quan đến nguồn gốc, đặc điểm và đối tượng hành nghề cúng bái của người Tày, Nùng, có thể diễn giải như sau:

1) Người truyền nghề cúng đầu tiên: tiên nữ trên trời, do ông trời chỉ định. Điều này tương ứng với khái niệm Tiên

(tiên) chỉ người được tiên giáng nên tự phát biết hành nghề - phần lớn là nữ giới.

2) Đối tượng được truyền nghề và làm nghề đầu tiên là nữ giới.

3) Mục đích cầu cúng: cầu sức khỏe, tuổi thọ, chữa bệnh, trừ ma quỷ.

4) Đối tượng thờ cúng: bà tiên trên trời, người đã ban phép thuật cho con người. Hiện nay, việc thờ các bà tiên vẫn còn lưu lại dấu vết ở một số ngành cúng như Then của người Phán ở khu vực biên giới Phòng Thành, Quảng Tây giáp với Quảng Ninh hoặc ở các bà Tiên người Tày thuộc khu vực biên giới Hạ Lang, Cao Bằng giáp Long Châu, Trung Quốc.

5) Đối tượng phục vụ của thầy cúng: lúc đầu cúng cho gia đình mình (do nhu cầu của bản thân), sau phục vụ các gia đình khác (do sự tín nhiệm và nhu cầu của người ngoài).

6) Người được truyền nghề, làm nghề tiếp theo là nam giới, học nghề do nữ giới (là người trần - không phải tiên) truyền lại.

Điều này phù hợp với nhận định của chúng tôi cho rằng: Nghề cúng bái của người Tày, Nùng khởi nguyên vốn là nghề là của nữ giới, mục đích cầu cúng là trừ tà, gọi vía chữa bệnh, đối tượng thờ phụng chính là mẹ Hoa - bà mẹ sinh sản đồng thời là bà mẹ bản mệnh của người Tày, Nùng. Đó cũng chính là dấu ấn cổ sơ hiện vẫn còn lưu lại trong các hình thức cúng bái Then, Pút của người Tày, Nùng./.

4. Theo: Nguyễn Trí Công. *Sơ bộ khảo sát về Mo của người Nùng ở Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn*. Luận văn tốt nghiệp K22 Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1981.